TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tòng

2. Ông Nguyễn Huy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023; về tranh chấp: "ly *hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Từ Thị Hoài T1**, sinh năm 1995. Địa chỉ: tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Hiện cư ngụ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ F, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2023 nguyên đơn chị Từ Thị Hoài T1 bày: Chị và anh Nguyễn Hoàng H1 nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau và được sự chấp thuận của gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 12/12/2013 tại UBND xã T10 (nay là thị trấn T), huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới vợ chồng sống ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 10 năm. Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Duy A sinh ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020, hiện sống với anh H1

.Trong thời gian chung sống vợ chồng chị không tạo lập được tài sản chung nào; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Hoàng H1. Về con chung: Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020, chị yêu cầu giải quyết cho anh H1 quyền nuôi hai con, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2023 anh Nguyễn Hoàng H1 trình bày:* anh và chị Từ Thị Hoài T1 quen biết nhau và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2012; có tặng cho nữ trang cưới nhưng anh không nhớ bao nhiêu và gồm những vật gì, vợ chồng đã sử dụng hết số nữ trang đó vào việc sinh con và nuôi con, hiện nay không còn; vợ chồng có đăng ký kết hôn. Có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020, hiện anh đang nuôi dưỡng. Mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn là do chị T1 quan tâm đến chồng con, thường xuyên bỏ về cha mẹ ruột, anh đã nhiều lần khuyên vợ nhưng không thành nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị T1 ly hôn, anh có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn chị Từ Thị Hoài T1; Về con chung: Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020 anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc làm ăn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2023 cháu Nguyễn Hoàng Duy A bày:* trường hợp Tòa án giải quyết cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

- *Tại phiên tòa*: *Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.*

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị Hoài T1. Về quan hệ hôn nhân: chị T1 ly hôn anh Nguyễn Hoàng H1 Về con chung: giao Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020 cho anh H1 tục nuôi dưỡng; chị T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc chị T1 nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị T1khấu trừ tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Từ Thị Hoài T1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Hoàng H1, anh H1 nơi cư trú thuộc huyện B và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Hoàng H1 xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H1

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Thị Hoài T1 và anh Nguyễn Hoàng H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T1 là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 3/2022 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H1, chị yêu cầu được ly hôn, anh H1 đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T1 được ly hôn anh H1 có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020.

Chị T1 yêu cầu giải quyết cho anh H1 quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị T1 và anh H1 không còn sống chung, anh H1 là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của các con vẫn được đảm bảo; anh H1 đồng ý tiếp tục nuôi con; phù hợp với nguyện vọng cháu Duy A với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên anh H1 không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Từ Thị Hoài T1 anh Nguyễn Hoàng H1 tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Từ Thị Hoài T1 phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Từ Thị Hoài T1 và anh H1

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Hoàng Duy A ngày 28/9/2013 và Nguyễn Hoàng T2 sinh ngày 20/3/2020 cho anh Nguyễn Hoàng H1 trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng cháu Duy A với cha).

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh H1 yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Từ Thị Hoài T1 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Hoàng Duy A được sống chung với anh Nguyễn Hoàng H1

Chị Từ Thị Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Từ Thị Hoài T1 anh Nguyễn Hoàng H1 tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Từ Thị Hoài T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T1 theo biên lai thu số 0002841 ngày 03/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T1 đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND TT. Tân Quới, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.